

Số: 97 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021, UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021, như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

I. Thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Phụ lục số 01)

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2021 ước đạt 10.641 tỷ đồng (*không tính hoàn thuế GTGT từ hoạt động xuất nhập khẩu*), bằng 66,3% dự toán Trung ương giao, bằng 58,8% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 130,5% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó:

- Thu nội địa ước đạt 6.274 tỷ đồng¹, bằng 57% dự toán Trung ương giao, bằng 48,1% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 117,5% so với cùng kỳ năm 2020 (*nếu không tính thu tiền sử dụng đất thì thu nội địa ước đạt 5.910 tỷ đồng, bằng 58,8% dự toán Trung ương giao, bằng 56,5% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 18,9% so với cùng kỳ năm trước*); trong đó:

+ Thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất ước đạt 3.073 tỷ đồng, bằng 61,5% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 26,8% so với cùng kỳ năm 2020;

+ Thu tiền sử dụng đất ước đạt 363 tỷ đồng (*trong đó cấp tỉnh ước thu 123 tỷ đồng, cấp huyện thu 240 tỷ đồng*), bằng 38,3% dự toán Trung ương giao, bằng 14% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 97,8% so với cùng kỳ năm 2020.

+ Các khoản thu còn lại ước đạt 2.838 tỷ đồng, bằng 56,1% dự toán Trung ương giao, bằng 52% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 111,4% so với cùng kỳ năm 2020.

- Thu hoạt động xuất nhập khẩu đạt 6 tháng đầu năm 2021 ước đạt 4.350 tỷ đồng (*không tính hoàn thuế GTGT*), đạt 87% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao và tăng 54,8% so với cùng kỳ năm 2020.

¹ Chưa bao gồm số thuế dự kiến gia hạn (tháng 4, 5, 6) là 981 tỷ đồng, trong đó thuế từ NMLD là 885 tỷ đồng.

- Thu vay vốn để bù đắp bội chi: Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 là 16,5 tỷ đồng, bằng 40% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

2. Thu ngân sách địa phương: 6 tháng đầu năm 2021 ước đạt 8.476 tỷ đồng, bằng 70,4% dự toán Trung ương giao, bằng 60,3% so với dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 134,7% cùng kỳ năm 2020; trong đó:

- Thu cân đối phần NSĐP được hưởng theo phân cấp: Ước đạt 5.621 tỷ đồng, bằng 60,8% dự toán Trung ương giao, bằng 50% so với dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 125,6% cùng kỳ năm 2020.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: Ước đạt 2.839 tỷ đồng, bằng 102,9% so với dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao và bằng 156,4% cùng kỳ năm 2020.

- Thu vay vốn để bù đắp bội chi: Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 là 16,5 tỷ đồng, bằng 40% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

3. Nhận xét, đánh giá:

Trong 6 tháng đầu năm 2021, tình hình kinh tế của tỉnh có phần khởi sắc hơn so với cùng kỳ, giá dầu thô thế giới bình quân ở mức trên 60 USD/thùng, cao hơn dự toán Trung ương cũng như HĐND tỉnh giao (dự toán giao 45 USD/thùng), do đó số ước nộp ngân sách của nhà máy lọc dầu Dung Quất đạt mức khá (đạt 61,5% dự toán). Tổng sản lượng bia tiêu thụ ước tăng 29,7% so cùng kỳ, trong đó bia Sài Gòn Quảng Ngãi tăng 50,8% (tiêu thụ 63,5 triệu lít, tăng 21,4 triệu lít), bia Dung Quất giảm 4% (tiêu thụ 25,4 triệu lít, giảm 1,06 triệu lít); lượng nước về các hồ thủy điện nhiều, sản lượng điện của các nhà máy thủy điện trên địa bàn tăng gấp đôi so cùng kỳ. Đa số các khoản thu đều đảm bảo vượt tiến độ dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao. Tuy nhiên, vẫn còn một số khoản chưa đảm bảo tiến độ dự toán tỉnh giao như: Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thuế bảo vệ môi trường, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thu khác ngân sách, thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác; đặc biệt là thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh đạt rất thấp so với dự toán (*chỉ đạt 7,1% dự toán HĐND tỉnh giao*), nguyên nhân là do còn vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; xác định giá và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất còn chậm. Nếu không tính thu tiền sử dụng đất thì thu nội địa ước đạt 5.910 tỷ đồng, bằng 58,8% dự toán Trung ương giao, bằng 56,5% dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 18,9% so với cùng kỳ năm trước.

II. Về chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Phụ lục số 02)

Tổng chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2021 ước đạt 5.590 tỷ đồng, bằng 46,4% dự toán Trung ương giao, bằng 39,8% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 101,6% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 6 tháng đầu năm 2021 ước đạt 4.908 tỷ đồng, bằng 46,7% dự toán Trung ương giao, bằng 39,2% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 100,5% so với cùng kỳ năm 2020. Cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển: Ước đạt 1.040 tỷ đồng, bằng 40,2% dự toán Trung ương giao, bằng 24,4% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 131,4% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thường xuyên: Ước đạt 3.867 tỷ đồng, bằng 50,1% dự toán Trung ương giao, bằng 48,2% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 94,6% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,1 tỷ đồng, đạt 100% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

2. Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu từ ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu 6 tháng đầu năm 2021 ước đạt 682 tỷ đồng, bằng 44,8% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bằng 109,6% so với cùng kỳ năm 2020.

III. Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách tỉnh (chi tiết tại Phụ lục số 03):

Tổng kinh phí dự phòng ngân sách cấp tỉnh là 120 tỷ đồng. Đến 30/6/2021, dự phòng ngân sách tỉnh sử dụng 50,875 tỷ đồng; trong đó, tập trung chi công tác phòng, chống dịch Covid-19, hỗ trợ tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ, một số nhiệm vụ quan trọng, cần thiết khác...

IV. Tình hình quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính địa phương

1. Số dư đến ngày 31/12/2020: 60,6 tỷ đồng.

2. Số phát sinh tăng trong 6 tháng đầu năm 2021 là 8,57 tỷ đồng; gồm: bổ sung từ dự toán chi ngân sách tỉnh 1,14 tỷ đồng; lãi tiền gửi (0,1%/tháng) 0,35 tỷ đồng, thu kết dư (*do điều chỉnh Quyết toán năm 2018*) là 7,08 tỷ đồng.

3. Phát sinh giảm: 0 tỷ đồng.

4. Số dư đến ngày 30/6/2021: 69,17 tỷ đồng.

V. Về tình hình vay nợ của ngân sách địa phương

1. Các khoản vay đầu tư, ngân sách tỉnh phải bố trí trả nợ:

- Số dư đầu năm 2020 là: 33,83 tỷ đồng;

- Số phát sinh tăng trong kỳ: 7,16 tỷ đồng.

- Số phát sinh giảm trong kỳ: 1,36 tỷ đồng

- Số dư nợ vay đến 30/6/2021: 39,63 tỷ đồng.

2. Dư nợ vay đầu tư dự án Năng lượng nông thôn II đến ngày 30/6/2021 là: 130,05 tỷ đồng.

VI. Tình hình tạm ứng, ứng trước (Chi tiết tại Phụ lục số 04)

Số dư tạm ứng, ứng trước ngân sách đến ngày 30/6/2021 là 408 tỷ đồng, giảm so với tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 341 tỷ đồng. Bao gồm:

1. Các khoản tạm ứng, ứng trước thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh: 215,4 tỷ đồng;

2. Các khoản tạm ứng, ứng trước không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh, phải thu hồi từ các nguồn khác: 192,6 tỷ đồng. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương bổ sung, hỗ trợ: 58,7 tỷ đồng

- Ngân sách thành phố Quảng Ngãi: 36 tỷ đồng

- Ngân sách huyện Lý Sơn: 24,5 tỷ đồng

- Thu hồi từ các nhà đầu tư vào KKT Dung Quất: 46,1 tỷ đồng
- Thu hồi từ các nguồn khác: 27,2 tỷ đồng.

Tóm lại, trong 6 tháng đầu năm 2021, việc tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh đảm bảo thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 50/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, số 44/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021; Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2021.

Phần thứ hai

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NĂM 2021

I. Dự kiến thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

1. Thu ngân sách NSNN trên địa bàn năm 2021: Ước đạt 20.484 tỷ đồng (*không tính hoàn thuế GTGT từ hoạt động xuất nhập khẩu*), bằng 127,7% dự toán Trung ương giao, bằng 113,2% dự toán HĐND tỉnh giao (*chi tiết tại Phụ lục số 01*). Trong đó:

a) Thu nội địa ước đạt 13.443 tỷ đồng, bằng 122,1% dự toán Trung ương giao, bằng 108,2% dự toán HĐND tỉnh giao (*nếu không tính thu tiền sử dụng đất thì thu nội địa ước đạt 12.630 tỷ đồng, bằng 120,8% so với dự toán HĐND tỉnh giao*). Trong đó, thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất ước đạt 7.214 tỷ đồng, bằng 144,3% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

Dự kiến năm 2021, thu nội địa tăng so với dự toán Trung ương giao là 2.437 tỷ đồng, tăng so với dự toán HĐND tỉnh giao là 387 tỷ đồng (*nếu không tính thu tiền sử dụng đất thì thu nội địa tăng 2.037 tỷ đồng*). Trong 6 tháng cuối năm có một số yếu tố thuận lợi trong công tác thu NSNN như: Dự báo giá dầu thô thế giới giữ ở mức trên 65 USD/thùng, bình quân giá dầu thô thế giới cả năm ở mức 64 USD/thùng; lượng nước về hồ các thủy điện trên địa bàn tiếp tục tăng cao hơn so với cùng kỳ,... sẽ tác động tăng thu cho ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm, đặc biệt là tăng thu từ NMLD Dung Quất (*ước tăng khoảng 2.200 tỷ đồng*).

b) Thu hoạt động xuất nhập khẩu: Năm 2021 ước đạt 7.000 tỷ đồng (*không tính hoàn thuế GTGT*), tăng 40% so với dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

c) Thu vay vốn để bù đắp bội chi: Năm 2021 ước đạt 41,3 tỷ đồng từ nguồn vay lại của Chính phủ, bằng 100% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

2. Thu ngân sách địa phương: Ước đạt 14.907 tỷ đồng, bằng 123,8% dự toán Trung ương giao, bằng 106,1% dự toán HĐND tỉnh giao; trong đó:

- Thu cân đối phần NSĐP được hưởng theo phân cấp: Ước đạt 11.527 tỷ đồng, bằng 124,7% so với dự toán Trung ương giao, bằng 102,5% so với dự toán HĐND tỉnh giao; tăng thu ngân sách địa phương so với dự toán Trung ương giao là 2.286 tỷ đồng, tăng thu ngân sách địa phương so với dự toán HĐND tỉnh giao là 281 tỷ đồng. Nếu không tính thu tiền sử dụng đất và thu tiền xổ số kiến thiết thì NSĐP được hưởng là 10.476 tỷ đồng; tăng thu ngân sách địa phương so với dự toán Trung ương giao là 2.297 tỷ đồng, tăng so với dự toán HĐND tỉnh giao là 1.942 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: Ước đạt 3.339 tỷ đồng, bằng 121% so với dự toán HĐND tỉnh giao.

- Thu vay vốn để bù đắp bội chi: Năm 2021 ước đạt 41,3 tỷ đồng từ nguồn vay lại của Chính phủ, bằng 100% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

II. Chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Phụ lục số 02)

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2021 ước đạt 12.211 tỷ đồng, bằng 101,4% dự toán Trung ương giao và bằng 86,9% dự toán HĐND tỉnh giao. Trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương ước đạt 10.690 tỷ đồng, bằng 101,6% dự toán Trung ương giao và bằng 85,3% dự toán HĐND tỉnh giao; trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: Ước đạt 2.598 tỷ đồng, bằng 100,4% dự toán Trung ương giao và bằng 61% dự toán HĐND tỉnh giao (*trong đó: chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất ước đạt 36,5% dự toán, chi từ nguồn thu XSKT ước đạt 90,2% dự toán giao*). Chi đạt khá thấp so với dự toán HĐND tỉnh giao là do nguồn thu tiền sử dụng đất và thu XSKT không đạt dự toán giao nên không đảm bảo nguồn để thực hiện nhiệm vụ chi.

- Chi thường xuyên: Ước đạt 8.088 tỷ đồng, bằng 104,7% dự toán Trung ương giao và bằng 100,9% dự toán HĐND tỉnh giao.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,1 tỷ đồng, đạt 100% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao;

- Chi trả nợ lãi vay: 2,2 tỷ đồng, đạt 100% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao;

2. Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu ước đạt 1.521 tỷ đồng, bằng 100% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

III. Các giải pháp triển khai thực hiện

Để đạt được nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2021, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các Quyết định của UBND tỉnh: Số 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, số 856/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 về việc giao dự toán thu NSNN trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2021, số 934/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa

phương năm 2021; tăng cường công tác quản lý thu ngân sách nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 09/01/2021 và Công văn số 1827/UBND-KT ngày 29/4/2021; đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công theo Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 09/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh và thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. Trong đó, tập trung triển khai thực hiện những nhiệm vụ sau:

1. Về thu ngân sách

a) Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh và các sở, ngành tiếp tục phối hợp chặt chẽ, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp quản lý thu, nuôi dưỡng nguồn thu, chống thất thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Cục Thuế tỉnh thường xuyên rà soát, nắm chắc các nguồn thu; theo dõi sát tình hình thu nộp ngân sách nhà nước; phân tích, báo cáo kịp thời các yếu tố tác động đến số thu, xử lý kịp thời các vướng mắc về chế độ, chính sách ảnh hưởng đến quản lý, thu nộp ngân sách nhà nước; phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất các giải pháp tăng thu.

c) Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh việc xác định giá đất và kịp thời tổ chức đấu giá các dự án khai thác quỹ đất, tăng thu tiền sử dụng đất như: Khu dân cư Bắc Huỳnh Thúc Kháng, Khu dân cư trục đường Mỹ Trà - Mỹ Khê, Kè và Khu dân cư Nam Sông Vệ...

d) Các sở, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính; trong đó, tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ CNTT vào tất cả các khâu, các bước trong quá trình quản lý; rút ngắn thời gian đối với thủ tục hành chính thuế, đảm bảo công khai minh bạch và nâng cao trách nhiệm của cơ quan Thuế; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nộp thuế thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ thuế với NSNN.

đ) Sở Tài chính phối hợp các cơ quan, đơn vị rà soát các vấn đề pháp lý liên quan để kịp thời tổ chức bán đấu giá các nhà công sản theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Chi ngân sách

a) Về chi thường xuyên

- Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách an sinh xã hội.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công khai, minh bạch việc

sử dụng NSNN; khẩn trương hoàn thành các thủ tục, hồ sơ thanh toán, đẩy nhanh tiến độ chi ngân sách, kể cả chi cho các chế độ, chính sách, nhiệm vụ, đề án theo các chương trình mục tiêu.

- Nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn 2731/UBND-KT ngày 15/6/2021 của UBND tỉnh về việc tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ, nhằm chủ động dành nguồn lực để thực hiện phòng chống dịch và các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác của địa phương.

b) Về chi đầu tư phát triển

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công, nhất là vướng mắc về thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng, thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán vốn đầu tư, ... đề xuất giải pháp, biện pháp cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công; nỗ lực phấn đấu quyết tâm cao nhất đến ngày 31/12/2021 giải ngân 100% vốn đầu tư công kế hoạch năm 2021.

- Người đứng đầu các sở, ngành, địa phương, các Ban Quản lý dự án và các Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công do đơn vị làm chủ đầu tư; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công, làm rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với tổ chức, cá nhân gây chậm trễ trong việc giao vốn, thanh toán vốn; các chủ đầu tư chậm trễ thực hiện rà soát, điều chỉnh và báo cáo tiến độ giải ngân dự án sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Kịp thời phân khai các nguồn vốn hiện nay chưa phân khai danh mục dự án, hạn chế vào thời điểm cuối năm mới phân khai làm ảnh hưởng đến công tác giải ngân chung của tỉnh.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn tất các thủ tục phê duyệt danh mục dự án thuộc nguồn vốn chưa phân khai, khẩn trương phê duyệt dự án để triển khai thực hiện và kịp thời chỉ đạo xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, phát sinh nếu có.

Kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thuế tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP; Các phòng N/Cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KTTiền312.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh

Phụ lục 01

Tình hình thu NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm
và nhiệm vụ thu NSNN trên địa 6 tháng cuối năm 2021

Kiểm theo Báo cáo số 97 /BC-UBND ngày 05 /7/2021 của UBND tỉnh

ĐVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Ước thu 6 tháng đầu năm 2021	So sánh (%) với			Ước thực hiện năm 2021	So sánh % với DT 2021	
				DT BTC giao	DT tỉnh giao	Cùng kỳ 2020		BTC giao	HDND tỉnh giao
A	B	(1)	(4)	(5)=(4/2)	(6)=(4/3)	(7)=(4/1)	(8)	(9)=(8/2)	(10)=(8/3)
	Thu nội địa	5.341.370	6.274.061	57,0%	48,1%	117,5%	13.443.017	122,1%	103,0%
	Thu từ NMLD Dung Quất	2.423.370	3.072.779	61,5%	61,5%	126,8%	7.214.000	144,3%	144,3%
	Các khoản thu còn lại trừ NMLD Dung Quất	2.918.000	3.201.282	53,3%	39,7%	109,7%	6.229.017	103,7%	77,3%
	Các khoản còn lại trừ thu lục đầu và tiền sử dụng đất	2.546.352	2.837.735	56,1%	52,0%	111,4%	5.279.017	104,4%	96,8%
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	8.151.099	10.640.658	66,3%	58,8%	130,5%	20.484.317	127,7%	113,2%
I	Thu nội địa	5.341.370	6.274.061	57,0%	48,1%	117,5%	13.443.017	122,1%	103,0%
1	Thu từ khu vực DNNN	2.618.485	3.279.572	60,6%	60,6%	125,2%	7.569.000	139,9%	139,9%
+	Thu từ DNNN do TW quản lý	2.588.896	3.252.157	60,6%	60,6%	125,6%	7.524.000	140,2%	140,2%
	<i>Trong đó: Thu từ NMLD Dung Quất</i>	<i>2.423.370</i>	<i>3.072.779</i>	<i>61,5%</i>	<i>61,5%</i>	<i>126,8%</i>	<i>7.214.000</i>	<i>144,3%</i>	<i>144,3%</i>
+	Thu từ DNNN do địa phương quản lý	29.589	27.415	60,9%	60,9%	92,7%	45.000	100,0%	100,0%
2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	229.070	216.824	83,4%	83,4%	94,7%	314.000	120,8%	120,8%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.058.324	1.346.036	55,9%	47,9%	127,2%	2.619.000	108,7%	93,2%
4	Thuế thu nhập cá nhân	246.671	252.775	76,6%	76,6%	102,5%	380.000	115,2%	115,2%
5	Thuế bảo vệ môi trường	425.441	420.638	47,3%	47,3%	98,9%	820.000	92,1%	92,1%
6	Các loại phí, lệ phí	168.011	200.553	57,8%	57,8%	119,4%	390.000	112,5%	112,5%
	<i>Trong đó lệ phí trước bạ</i>	<i>86.871</i>	<i>106.505</i>	<i>54,6%</i>	<i>54,6%</i>	<i>122,6%</i>	<i>210.000</i>	<i>107,7%</i>	<i>107,7%</i>
7	Các khoản thu về nhà, đất	387.530	392.985	39,4%	14,8%	101,4%	997.017	100,0%	37,7%
+	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>	<i>15</i>	<i>5</i>			<i>31,6%</i>	<i>5</i>		
+	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>1.497</i>	<i>2.676</i>	<i>53,5%</i>	<i>53,5%</i>	<i>178,8%</i>	<i>5.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>100,0%</i>
+	<i>Thu cho thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển</i>	<i>14.339</i>	<i>26.744</i>	<i>63,7%</i>	<i>63,7%</i>	<i>186,5%</i>	<i>42.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>100,0%</i>
+	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>	<i>31</i>	<i>12</i>			<i>39,1%</i>	<i>12</i>		
+	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>371.648</i>	<i>363.547</i>	<i>38,3%</i>	<i>14,0%</i>	<i>97,8%</i>	<i>950.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>36,5%</i>

TT	NỘI DUNG	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Dự toán năm 2021		Ước thu 6 tháng đầu năm 2021	So sánh (%) với			Ước thực hiện năm 2021	So sánh % với DT 2021	
			BTC giao	HĐND tỉnh giao		DT BTC giao	DT tỉnh giao	Cùng kỳ 2020		BTC giao	HĐND tỉnh giao
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4/2)	(6)=(4/3)	(7)=(4/1)	(8)	(9)=(8/2)	(10)=(8/3)
	trong đó: - Cấp tỉnh	104.946		1.726.000	122.927		7,1%	117,1%	692.000		40,1%
	- Cấp huyện	266.702		874.000	240.620		27,5%	90,2%	258.000		29,5%
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	67.114	112.000	112.000	49.870	44,5%	44,5%	74,3%	101.000	90,2%	90,2%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	25.517	30.000	30.000	20.147	67,2%	67,2%	79,0%	38.000	126,7%	126,7%
10	Thu khác ngân sách	108.913	205.000	205.000	90.722	44,3%	44,3%	83,3%	205.000	100,0%	100,0%
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	5.094	12.000	12.000	2.898	24,1%	24,1%	56,9%	8.000	66,7%	66,7%
12	Thu có tức và lợi nhuận sau thuế (ĐP hưởng 100%)	1.201	2.000	2.000	1.042	52,1%	52,1%	86,7%	2.000	100,0%	100,0%
II	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	2.809.729	5.000.000	5.000.000	4.350.077	87,0%	87,0%	154,8%	7.000.000	140,0%	140,0%
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	2.558.936	4.635.000	4.635.000	4.109.898	88,7%	88,7%	160,6%	6.556.490	141,5%	141,5%
2	Thuế xuất khẩu	100.393	100.000	100.000	93.105	93,1%	93,1%	92,7%	200.000	200,0%	200,0%
3	Thuế nhập khẩu	118.702	210.000	210.000	112.488	53,6%	53,6%	94,8%	200.000	95,2%	95,2%
4	Thuế BVMT thu từ hàng, hóa nhập khẩu	31.278	55.000	55.000	31.964	58,1%	58,1%	102,2%	40.000	72,7%	72,7%
III	Thu vay vốn để bù đắp bội chi		41.300	41.300	16.520	40,0%	40,0%		41.300	100,0%	100,0%
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.290.389	12.042.567	14.047.514	8.476.276	70,4%	60,3%	134,7%	14.907.368	123,8%	106,1%
I	Thu cân đối NSDP được hưởng theo phân cấp	4.475.065	9.241.068	11.246.015	5.620.617	60,8%	50,0%	125,6%	11.526.929	124,7%	102,5%
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	730.099	1.641.300	3.315.860	828.696	50,5%	25,0%	113,5%	1.799.517	109,6%	54,3%
2	Các khoản thu phân chia NSDP hưởng 88%	3.744.966	7.599.768	7.930.155	4.791.921	63,1%	60,4%	128,0%	9.727.412	128,0%	122,7%
II	Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	1.815.324	2.760.199	2.760.199	2.839.139	102,9%	102,9%	156,4%	3.339.139	121,0%	121,0%
III	Thu vay vốn để bù đắp bội chi	-	41.300	41.300	16.520	40,0%	40,0%		41.300	100,0%	100,0%

Phụ lục 02

Lệnh hình chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm
và nhiệm vụ chi ngân sách địa phương 6 tháng cuối năm 2021

(Kèm theo Báo cáo số 97/BC-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Dự toán năm 2021		Ước chi 6 tháng đầu năm 2021	So sánh (%) với			Ước thực hiện năm 2021	So sánh % với DT 2021	
			BTC giao	HDND tỉnh giao		DT BTC giao	DT tỉnh giao	Cùng kỳ 2020		BTC giao	HDND tỉnh giao
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4/2)	(6)=(4/3)	(7)=(4/1)	(8)	(9)=(8/2)	(10)=(8/3)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B)	5.504.501	12.042.567	14.047.514	5.590.346	46,4%	39,8%	101,6%	12.211.252	101,4%	86,9%
A	Chi cân đối ngân sách địa phương	4.882.329	10.520.976	12.525.923	4.908.154	46,7%	39,2%	100,5%	10.689.661	101,6%	85,3%
I	Chi đầu tư phát triển	791.524	2.588.630	4.258.630	1.039.752	40,2%	24,4%	131,4%	2.598.130	100,4%	61,0%
1	Chi đầu tư cho các dự án	771.524	2.588.630	4.238.630	1.019.252	39,4%	24,0%	132,1%	2.577.630	99,6%	60,8%
	- Chi đầu tư XDCB vốn trong nước	549.226	1.485.330	1.485.330	597.932	40,3%	40,3%	108,9%	1.485.330	100,0%	100,0%
	- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	186.854	950.000	2.600.000	360.000	37,9%	13,8%	192,7%	950.000	100,0%	36,5%
	- Chi từ nguồn thu XSKT	35.444	112.000	112.000	44.800	40,0%	40,0%	126,4%	101.000	90,2%	90,2%
	- Chi đầu tư từ nguồn bội chi		41.300	41.300	16.520	40,0%	40,0%		41.300	100,0%	100,0%
2	Chi đầu tư phát triển khác	20.000		20.000	20.500		102,5%	102,5%	20.500		102,5%
II	Chi thường xuyên	4.089.350	7.723.576	8.018.321	3.866.869	50,1%	48,2%	94,6%	8.088.191	104,7%	100,9%
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.361.358	3.181.284	3.182.892	1.370.403	43,1%	43,1%	100,7%	3.119.000	98,0%	98,0%
2	Chi khoa học và công nghệ	11.079	27.797	33.110	6.200	22,3%	18,7%	56,0%	31.500	113,3%	95,1%
3	Chi quốc phòng	134.990		182.748	133.582		73,1%	99,0%	202.423		110,8%
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	51.608		75.902	37.846		49,9%	73,3%	77.146		101,6%
5	Chi y tế, dân số và gia đình	529.876		774.990	475.620		61,4%	89,8%	807.540		104,2%
6	Chi văn hóa thông tin	40.891		122.297	52.158		42,6%	127,6%	121.000		98,9%
7	Chi phát thanh, truyền hình	15.238		36.406	16.478		45,3%	108,1%	36.406		100,0%
8	Chi thể dục thể thao	11.435		22.429	11.698		52,2%	102,3%	22.429		100,0%
9	Chi bảo vệ môi trường	38.969	167.604	127.270	45.546	27,2%	35,8%	116,9%	124.000	74,0%	97,4%
10	Chi các hoạt động kinh tế	462.450		1.339.472	496.743		37,1%	107,4%	1.285.296		96,0%

TT	NỘI DUNG	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020		Dự toán năm 2021		Ước chi 6 tháng đầu năm 2021		So sánh (%) với			Ước thực hiện năm 2021		So sánh % với DT 2021	
		(1)	(2)	(3)	(4)	DT BTC giao	DT tính giao	Cùng kỳ 2020	DT BTC giao	DT tính giao	Cùng kỳ 2020	(8)	BTC giao	HĐND tính giao
A	B													
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.007.395		1.558.976	817.615						81,2%	1.558.976		100,0%
12	Chi bảo đảm xã hội	387.973		521.354	380.433						98,1%	662.000		127,0%
13	Chi thường xuyên khác	36.088		40.476	22.548						62,5%	40.476		100,0%
III	Chi trả nợ lãi	315	2.200	2.200	393						124,8%	2.200	100,0%	100,0%
IV	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1.140	1.140	1.140	1.140						100,0%	1.140	100,0%	100,0%
V	Chi dự phòng ngân sách		205.430	245.632							0,0%		0,0%	
VI	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương													
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	622.172	1.521.591	1.521.591	682.192						44,8%	1.521.591	100,0%	100,0%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	435.824												
2	Chi các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	146.054	997.146	997.146	524.858						52,6%	997.146	100,0%	100,0%
3	Chi các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	40.294	524.445	524.445	157.334						30,0%	524.445	100,0%	100,0%

Phụ lục 03

**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số 97/BC-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Tổng nguồn	120.000	
B	Kinh phí đã sử dụng và dự kiến sử dụng	50.875	
1	Chi trả chi phí xử lý rác thải y tế phát sinh tại khu cách ly tập trung phục vụ cho công tác phòng chống dịch Covid-19	571	
2	Kp sửa chữa, khắc phục hư hỏng TTYT huyện Bình Sơn (cơ sở 2) do bão số 9 năm 2020 gây ra để phục vụ cho công tác phòng, chống dịch Covid-19	999	
3	Hỗ trợ cho cán bộ, chiến sĩ công an tỉnh tham gia tại các chốt để phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh	210	
4	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất công trình TTYT huyện Bình Sơn (cơ sở 2) để đảm bảo công tác cách ly tập trung, điều trị (F0) và cách ly (F1) của tỉnh Quảng Ngãi	4.285	
5	Hỗ trợ cho TTYT huyện Bình Sơn chi trả chi phí khám chữa bệnh của bệnh nhân cách ly theo dõi, điều trị nhiễm SARS-CoV-2 năm 2020	67	
6	Đầu tư khẩn cấp dự án Nạo vét, thông luồng ra vào cảng cá Sa Huỳnh, thị xã Đức Phổ	3.000	
7	Kinh phí để hỗ trợ thiệt hại và phòng, chống dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi gây ra năm 2019 trên địa bàn tỉnh	315	
8	Hỗ trợ cho cán bộ, chiến sĩ công an tỉnh tham gia tại các chốt để phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh	72	
9	Hỗ trợ kinh phí cho lực lượng tham gia tại các chốt kiểm tra y tế để phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh	104	
10	Kinh phí thực hiện mua vắc xin phòng chống dịch bệnh viêm da nổi cục trâu, bò trên địa bàn tỉnh	796	
11	Hỗ trợ kinh phí thực hiện mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác cấp Cứu cấp Cứu công dân	962	
12	bổ sung cho TTYT Thành phố chi trả chi phí khám chữa bệnh của bệnh nhân theo dõi SARS-CoV-2 và mua thuốc, vật y tế phục vụ cho các cơ sở y tế cách ly năm 2020	117	
13	Bổ sung kinh phí thực hiện một số chính sách đặc thù trong phòng chống dịch Covid-19 ngành y tế năm 2020	5.716	
14	Kinh phí sửa chữa hư hỏng của tuyến đường Trường Sa và Hoàng Sa do ảnh hưởng của thiên tai gây ra trong năm 2020	6.500	
15	Hỗ trợ kinh phí tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ năm 2021	2.643	

Số TT	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
16	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Doanh trại Trung tâm Huấn luyện bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng an ninh e887	821	
17	Kinh phí triển khai thiết lập khu vực cấm bay đối với phương tiện không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ của tỉnh	261	
18	Bộ trí kinh phí triển khai thực hiện chiến dịch tiêm vắc xin phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh năm 2021 (Theo NQ 21/NQ-CP)	11.000	Dự phòng NS huyện là 11.964trđ
19	Bộ sung kinh phí đối với Sở Y tế để hỗ trợ cho Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn (cơ sở 2) - là khu cách ly y tế tập trung, điều trị cho bệnh nhân Covid-19 tính để chi trả tiền lương và các khoản chi hoạt động phục vụ cho công tác chuyên môn năm 2021	1.680	
20	Kinh phí mua sắm vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm và phương tiện bảo hộ phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 ngành y tế	8.115	
21	Kinh phí xây dựng bể chứa nước dự trữ chống hạn của Ban Chỉ huy Quản sự huyện Lý Sơn	1.193	
22	Hỗ trợ kinh phí cho lực lượng quân sự tham gia tải các chốt kiểm tra y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh	263	
23	Bộ trí kinh phí để hỗ trợ, mua vật tư y tế, nhu yếu phẩm giúp tỉnh Champasak, nước CHDCND Lào phòng, chống dịch Covid-19	502	
24	Hỗ trợ cho lực lượng tham gia tải các chốt kiểm tra y tế để phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh	555	
25	Bộ sung kinh phí cho lực lượng tham gia tải các chốt kiểm tra y tế để phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh	130	
C	Kinh phí chưa phân bổ (A)-(B)	69.125	

Phụ lục 04

CÁC KHOẢN TẠM ỨNG, ỨNG TRƯỚC NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số 97/BC-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Nội dung	Số dư đến ngày 31/12/2020 (số thực tế ứng)	Số tạm ứng trong năm 2021	Số thu hồi trong năm 2021	Số dư đến ngày 30/6/2021	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4) + (5) - (6)	(8)
	Tổng cộng (I)+(II)		749.137		341.060	408.077	
I	Thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh phải bố trí trả nợ		369.756		154.330	215.426	
*	<i>Chi đầu tư</i>		<i>369.756</i>	<i>-</i>	<i>154.330</i>	<i>215.426</i>	
1	Sở Tài nguyên và Môi trường (Dự án của QISC bàn giao)	Chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư DA Hệ thống HTKT khu dân cư trực đường Bầu Giang-Cầu Mới	6.000			6.000	
2	Sở Tài nguyên và Môi trường (Dự án của QISC bàn giao)	Chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư DA Hệ thống HTKT khu dân cư trực đường Bầu Giang-Cầu Mới	14.934			14.934	
3	UBND huyện Sơn Tịnh	Đầu tư 3 công trình hạ tầng VSIP (50 tỷ đồng)	8.237		8.237	-	
		- Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC Thôn Thế Lợi	6.765		6.765	-	
		- Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC Thôn Phong niên	1.472		1.472	-	
4	Đài PTTH Qngãi	Dự án xe Truyền hình lưu động 05 camera của Đài PTTH Qngãi	15.000		15.000	-	
5	UBND Thành phố Q. Ngãi	Ứng trước để xây dựng công trình Khu Đô thị mới phục vụ tái định cư Khu II Đê bao, TPQN.	83.080		50.588	32.492	
6	UBND huyện Sơn Tịnh	Ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Khu tái định cư thôn Thế Long, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh.	10.520		10.520	-	
7	Sở Giao thông vận tải	Ứng trước mua xi măng để làm giao thông nông thôn	29.985		29.985	-	
8	Sở Giao thông vận tải	Ứng trước ngân sách tỉnh để thực hiện cung ứng xi măng cho các xã làm đường giao thông nông thôn, thực hiện CTMTQG nông thôn mới năm 2017	32.000			32.000	
9	Sở Giao thông vận tải	Ứng trước thực hiện khắc phục hậu quả lũ lụt (bước 2)	40.000		40.000	-	
10	Sở Tài nguyên và Môi trường (Dự án của QISC bàn giao)	Ứng trước kế hoạch vốn năm sau để thực hiện 02 dự án Khu dân cư : Dự án Kè và KDC Nam Sông vệ (45 tỷ); Dự án Bắc đường Huỳnh Thúc Kháng (85 tỷ)	130.000			130.000	Năm 2020 bố trí tiền thu đầu giá quyền sử dụng đất để trả nợ, tuy nhiên hụt thu đầu giá nên chưa bố trí
II	Không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh, phải thu hồi từ các nguồn khác		379.381	-	186.730	192.651	
1	Ngân sách trung ương bổ sung, hỗ trợ		245.432	-	186.730	58.702	
*	<i>Chi đầu tư</i>		<i>238.732</i>	<i>-</i>	<i>186.730</i>	<i>52.002</i>	

Số TT	Tên đơn vị	Nội dung	Số dư đến ngày 31/12/2020 (số thực tế năm 2021)	Số dư trong năm 2021	Số dư đến ngày 30/6/2021	Ghi chú
+	BQL DA Hợp phần di dân Hồ chứa nước	Hồ chứa nước Nước Trong	16.732	16.730	2	
+	BQL DA Hợp phần di dân Hồ chứa nước	Hồ chứa nước Nước Trong	100.000	100.000	0	
+	BQL DA Hợp phần di dân Hồ chứa nước	Thực hiện Hợp phần di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước Trong	50.000	50.000	0	
+	BQL DA đầu tư và XD các công trình NN&PNT tỉnh	Tâm ứng để thực hiện dự án Hợp phần di dân, tái định cư Hồ Chứa nước Nước trong	52.000		52.000	
+	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Tâm ứng để đầu tư hàng mức sửa chữa, khác phục Bên cấp tàu của Đảo Bé thuộc dự án Đường cơ động phía Đông Nam đảo Lý Sơn (giai đoạn III)	20.000	20.000	0	
*	<i>Chi thường xuyên</i>					
+	Cty Bảo Minh Quảng Ngãi	Tâm ứng để thực hiện chi trả phí bảo hiểm theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP	6.700		6.700	
2	Ngân sách thành phố Quảng Ngãi					
+	UBND thành phố Quảng Ngãi	Tâm ứng ngân sách tỉnh để thực hiện các dự án quan trọng trên địa bàn thành phố.	36.000		36.000	
3	Thu hồi từ các nhà đầu tư vào KKT Dung Quất					
BQL Khu kinh tế Dung Quất và các KCN tỉnh	Tâm ứng thực hiện công tác bồi thường tạo Quỹ đất sạch Khu kinh tế Dung Quất.	46.169		46.169	0	
4	Ngân sách huyện Lý Sơn					
+	UBND huyện Lý Sơn	Hàng mức cải tạo kê chắn, vỉa hè, cây xanh, đèn chiếu sáng, hệ thống camera thuộc dự án nâng cấp đường Cơ động Lý Sơn	24.550		24.550	
5	Thu hồi từ các nguồn khác					
+	Sở Công Thương	Tâm ứng để thực hiện bình ổn giá	980		980	
+	UBND Tỉnh Việt Nam	UT KP thực hiện hỗ trợ hộ nghèo đã XD nhà ở tạm theo QĐ 167/2008/QĐ-TTg nhưng chưa được hỗ trợ	26.250		26.250	